

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2749** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về
phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và tôn giáo tại Tờ trình số
2484/TTr-SDTTG ngày 23/12/2025 và Báo cáo số 2612/BC-SDTTG ngày 31/12/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực
I, II, III trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 (chi tiết tại các
Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Dân tộc và
Tôn giáo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,
phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Đ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN&XD.

MinhHồng/QĐ/31.12.2025

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nông Quang Nhất



Phụ lục II
DANH SÁCH XÃ, PHƯỜNG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ
MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên xã, phường	Xã		Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn dân tộc thiểu số và miền núi	
		Dân tộc thiểu số	Miền núi		Tổng số thôn	Số thôn đặc biệt khó khăn
I	Tổng cộng	81	76	82	2275	536
1	Thôn vùng DTTS&MN nằm ngoài xã khu vực I, II, III				2	
2	Xã khu vực I	36	31	37	1221	13
3	Xã khu vực II	9	9	9	231	17
4	Xã khu vực III	36	36	36	821	506
II	Chi tiết					
1	Xã Trung Hội	Đạt	Đạt	I	29	0
2	Xã Phú Đình	Đạt	Đạt	I	24	1
3	Xã Bình Thánh	Đạt	Đạt	I	27	0
4	Xã Phú Lương	Đạt	Đạt	I	74	0
5	Xã Hợp Thành	Đạt	Đạt	II	25	0
6	Xã Đức Lương	Đạt	Đạt	I	27	0
7	Xã Phú Lạc	Đạt	Đạt	I	48	0
8	Xã Vĩnh Thông	Đạt	Đạt	III	20	16
9	Xã Phú Thông	Đạt	Đạt	III	26	7
10	Xã Bạch Thông	Đạt	Đạt	III	20	2
11	Xã Phong Quang	Đạt	Đạt	III	18	4
12	Xã Cẩm Giàng	Đạt	Đạt	III	32	13
13	Phường Đức Xuân	Đạt	Đạt	I	45	0
14	Phường Bắc Kạn	Đạt	Đạt	I	45	0
15	Xã Ngân Sơn	Đạt	Đạt	III	27	16
16	Xã Bằng Văn	Đạt	Đạt	III	16	8
17	Xã Thượng Quan	Đạt	Đạt	III	13	9
18	Xã Nà Phặc	Đạt	Đạt	III	26	22
19	Xã Phúc Lộc	Đạt	Đạt	III	36	27
20	Xã Hiệp Lực	Đạt	Đạt	III	21	21
21	Phường Linh Sơn	Đạt	Đạt	I	48	0
22	Xã Nam Hoà	Đạt	Đạt	I	23	1
23	Xã Đồng Hỷ	Đạt	Đạt	I	32	0
24	Xã Văn Hân	Đạt	Đạt	II	27	0
25	Xã Tráng Xá	Đạt	Đạt	III	25	12
26	Xã Dân Tiến	Đạt	Đạt	III	36	15
27	Xã La Hiền	Đạt	Đạt	II	21	1
28	Xã Quang Sơn	Đạt	Đạt	II	16	3
29	Xã Sáng Mộc	Đạt	Đạt	III	8	8

TT	Tên xã, phường	Xã		Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn dân tộc thiểu số và miền núi	
		Dân tộc thiểu số	Miền núi		Tổng số thôn	Số thôn đặc biệt khó khăn
30	Xã Nghinh Tường	Đạt	Đạt	III	15	15
31	Xã Thần Sa	Đạt	Đạt	III	11	11
32	Xã Văn Lăng	Đạt	Đạt	II	19	3
33	Xã Võ Nhai	Đạt	Đạt	I	26	1
34	Phường Phổ Yên	Không đạt	Không đạt	Không	0	0
35	Phường Trung Thành	Không đạt	Không đạt	Không	0	0
36	Phường Vạn Xuân	Không đạt	Không đạt	Không	0	0
37	Phường Bá Xuyên	Không đạt	Không đạt	Không	0	0
38	Phường Sông Công	Không đạt	Không đạt	Không	0	0
39	Phường Phúc Thuận	Đạt	Không đạt	I	34	0
40	Xã Tân Cương	Đạt	Đạt	I	40	0
41	Xã Thành Công	Đạt	Không đạt	I	10	0
42	Xã An Khánh	Đạt	Đạt	I	38	0
43	Phường Phan Đình Phùng	Đạt	Không đạt	I	25	0
44	Phường Tích Lương	Đạt	Không đạt	I	0	0
45	Phường Quyết Thắng	Đạt	Không đạt	I	9	0
46	Phường Quan Triều	Đạt	Không đạt	I	18	0
47	Phường Bách Quang	Không đạt	Không đạt	Không	0	0
48	Xã Bằng Thành	Đạt	Đạt	III	38	35
49	Xã Thượng Minh	Đạt	Đạt	III	30	27
50	Xã Chợ Rã	Đạt	Đạt	II	31	7
51	Xã Cao Minh	Đạt	Đạt	III	33	31
52	Xã Ba Bể	Đạt	Đạt	III	33	19
53	Xã Đồng Phúc	Đạt	Đạt	III	32	21
54	Xã Yên Bình	Đạt	Đạt	III	20	13
55	Xã Vô Tranh	Đạt	Đạt	I	56	1
56	Xã Nghiên Loan	Đạt	Đạt	III	28	28
57	Xã Thanh Mai	Đạt	Đạt	III	20	2
58	Xã Thanh Thịnh	Đạt	Đạt	II	26	3
59	Xã Tân Kỳ	Đạt	Đạt	III	22	5
60	Xã Chợ Mới	Đạt	Đạt	II	27	0
61	Xã Kim Phụng	Đạt	Đạt	I	26	6
62	Xã Lam Vỹ	Đạt	Đạt	I	19	0
63	Xã Phượng Tiến	Đạt	Đạt	I	27	1
64	Xã Bình Yên	Đạt	Đạt	I	35	0
65	Xã Định Hoà	Đạt	Đạt	I	41	0
66	Xã Yên Trạch	Đạt	Đạt	I	40	1
67	Xã Phú Bình	Không đạt	Không đạt	Không	0	0
68	Xã Kha Sơn	Không đạt	Không đạt	Không	0	0
69	Xã Tân Khánh	Đạt	Đạt	I	25	0
70	Xã Tân Thành	Đạt	Đạt	I	40	1
71	Xã Trại Cau	Đạt	Đạt	I	20	0
72	Xã Diêm Thụy	Không đạt	Không đạt	Không	0	0
73	Xã Chợ Đồn	Đạt	Đạt	II	39	0

TT	Tên xã, phường	Xã		Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn dân tộc thiểu số và miền núi	
		Dân tộc thiểu số	Miền núi		Tổng số thôn	Số thôn đặc biệt khó khăn
74	Xã Nam Cường	Đạt	Đạt	III	23	6
75	Xã Nghĩa Tá	Đạt	Đạt	III	27	11
76	Xã Quảng Bạch	Đạt	Đạt	III	11	2
77	Xã Yên Thịnh	Đạt	Đạt	III	17	4
78	Xã Yên Phong	Đạt	Đạt	III	17	10
79	Xã Côn Minh	Đạt	Đạt	III	18	5
80	Xã Cường Lợi	Đạt	Đạt	III	15	12
81	Xã Na Rì	Đạt	Đạt	III	26	13
82	Xã Trần Phú	Đạt	Đạt	III	20	19
83	Xã Văn Lang	Đạt	Đạt	III	19	16
84	Xã Xuân Dương	Đạt	Đạt	III	22	21
85	Phường Gia Sàng	Không đạt	Không đạt	Không	2	0
86	Xã Phú Thịnh	Đạt	Đạt	I	43	0
87	Xã Đại Từ	Đạt	Đạt	I	42	0
88	Xã La Bằng	Đạt	Đạt	I	36	0
89	Xã Phú Xuyên	Đạt	Đạt	I	45	0
90	Xã Quân Chu	Đạt	Đạt	I	24	0
91	Xã Vạn Phú	Không đạt	Đạt	I	26	0
92	Xã Đại Phúc	Đạt	Đạt	I	54	0